BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1009 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng với khoá học tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các cán bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Đảng uỷ, BGH, HĐT* (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Công thông tin điện tử (để t/b);
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1009 /QĐ-ĐHV ngày 25 /4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hoá những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT (sau đây viết tắt là Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) để thực hiện tại Trường Đại học Vinh;

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan với công tác tuyển sinh đại học do Trường Đại học Vinh (sau đây gọi tắt là Trường) cấp bằng, không áp dụng đối với công tác tuyển sinh liên kết do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong văn bản này các thuật ngữ: phạm vi tuyển sinh, dự tuyển, xét tuyển, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xử lí nguyện vọng, ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển, điểm ưu tiên, các loại kỳ thi, hệ thống hỗ trợ tuyển sinh, mã xét tuyển được hiểu đúng như quy định tại Điều 2, Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

2. Đơn vị đào tạo là đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng đào tạo, bao gồm: các trường thuộc, khoa, viện.

3. Đơn vị quản lí hoạt động tuyển sinh là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong công tác tư vấn, quảng bá, xét tuyển thí sinh tham gia dự tuyển vào hình thức đào tạo tương ứng. Trường Đại học Vinh có các đơn vị quản lí hoạt động tuyển sinh trình độ đại học gồm: phòng Đào tạo; Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX); Viện Nghiên cứu và đào tạo trực tuyến.

4. Trạm đào tạo từ xa: là cơ sở bên ngoài Trường, nơi tổ chức các hoạt động để thực hiện chương trình ĐTTX. Trạm được đặt tại các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường của cơ quan nhà nước, trường của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trường của lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 3. Yêu cầu chung và các nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Trường Đại học Vinh thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh.

2. Nhà trường cam kết thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh tham gia thi, xét tuyển nhằm tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, đơn vị khác có liên quan dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống.

4. Nhà trường cam kết thực hiện hoạt động tuyển sinh đảm bảo nguyên tắc công bằng, bình đẳng và minh bạch, được quy định chi tiết ở Điều 4 Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được công bố công khai trong đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường (trước khi tổ chức thu nhận hồ sơ xét tuyển) bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 08 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét cho vào học ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 5. Phương thức tuyển sinh

1. Hàng năm, Nhà trường công bố các phương thức tuyển sinh; áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo đặc thù; được cụ thể hoá và công bố công khai trong Đề án tuyển sinh.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh được quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá, xét tuyển được dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả học tập hoặc kết quả thi theo từng môn cần đảm bảo các điều kiện sau:

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn), trong đó bắt buộc có ít nhất một trong số 02 môn Toán và Ngữ văn;

b) Một ngành, một chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số tổ hợp môn, trong đó việc quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển (nếu có) sẽ được công bố công khai trong đề án tuyển sinh của Trường;

c) Không sử dụng quá 4 tổ hợp xét tuyển cho một ngành, một chương trình đào tạo.

4. Đối với ngành, chương trình đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển phải được xác định cụ thể và công bố công khai trong đề án tuyển sinh.

5. Việc xác định phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu cho từng phương thức được đảm bảo công khai, công bằng và có căn cứ khoa học, dựa trên các phân tích, đánh giá, đối sánh và được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường đồng ý thông qua.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo chế độ chính sách được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chi tiết việc cộng điểm ưu tiên được áp dụng theo Phụ lục I, Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

2. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

3. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

Điều 7. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Đối tượng xét tuyển thẳng:

a. Trường Đại học Vinh thực hiện việc xét tuyển thẳng cho các thí sinh thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, điều 08, Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Chỉ tiêu, tiêu chí, ngành xét tuyển thẳng tương ứng cho các đối tượng này được quy định chi tiết và công khai trong Đề án tuyển sinh của từng năm tuyển sinh.

b. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển: Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các trường hợp sau đây:

a. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b. Thí sinh là thành viên đội tuyển tham dự kì thi HSGQG hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải (thông tin chi tiết trong đề án tuyển sinh của Trường vào năm đăng kí xét tuyển); thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c. Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d. Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

3. Nhà trường sẽ quy định cụ thể khác liên quan đến các danh hiệu Học sinh giỏi, Học sinh đạt giải KHKT, TDTT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương; chứng chỉ quốc tế về Ngoại ngữ, Tin học; các chứng chỉ quốc tế khác như SAT, A-level... sẽ được công bố công khai theo từng ngành, nhóm ngành trong đề án tuyển sinh của Nhà trường, tuỳ thuộc vào từng năm tuyển sinh.

Điều 8. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng của từng năm tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày.

2. Đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành theo nguyên tắc không được thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 9, Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển và chuyển đổi nguyện vọng xét tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển, được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong các trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng cho Nhà trường, thông qua Phòng Đào tạo.

3. Thời gian bảo lưu, thực hiện thủ tục nhập học hoặc học dự bị đại học trước khi vào học chính thức (nếu có) được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 10, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

4. Trường Đại học Vinh cho phép sinh viên được chuyển đổi nguyện vọng xét tuyển, đăng kí xét tuyển ngành mới thuộc trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã trúng tuyển ngành đăng kí, nhưng sau một học kì không có nguyện vọng học tiếp ngành học đã trúng tuyển.

b) Sinh viên trúng tuyển vào ngành học không đủ số lượng để tổ chức lớp học.

c) Điểm trúng tuyển đầu vào của ngành đã trúng tuyển cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành xin xét tuyển mới theo cùng tổ hợp đã được công bố trong đề án.

d) Ngành sinh viên đăng kí xét tuyển mới đang còn chỉ tiêu.

e) Sinh viên có nguyên vọng chuyển nguyện vọng xét tuyển cần gửi đơn tới Hội đồng tuyển sinh trước ngày 31.12 hằng năm.

đ) Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cho chuyển nguyện vọng xét tuyển nếu ngành hoặc nhóm thí sinh đăng kí xét chuyển đến chưa đủ chỉ tiêu công bố theo đề án tuyển sinh và chỉ tiêu Hội đồng trường phê duyệt.

Điều 10. Đề án tuyển sinh

1. Phòng Đào tạo làm đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng, lấy ý kiến và ban hành đề án tuyển sinh hàng năm.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm các thông tin cần thiết được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 11, Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

3. Đề án tuyển sinh phải hoàn thành và được công bố công khai trên website của Nhà trường trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 60 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 30 ngày.

Điều 11. Thi tuyển, xét tuyển đào tạo đại học chính quy

1. Hàng năm, sau khi Hội đồng trường phê duyệt phương thức tuyển sinh, Hiệu trưởng triển khai xây dựng phương thức và kế hoạch tuyển sinh chi tiết.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT, Phòng Đào tạo tham mưu xây dựng Kế hoạch thi tuyển, xét tuyển chi tiết đối với từng phương thức tuyển sinh, từng nhóm ngành đào tạo, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ phê duyệt.

3. Đối với hình thức thi tuyển, Hiệu trưởng Nhà trường triển khai xây dựng đề án tổ chức thi tuyển. Nội dung của đề án tổ chức thi tuyển phải đảm bảo như quy định tại khoản 2, Điều 15, Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Các yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất, đề thi, quy chế thi ... đảm bảo cho việc triển khai tổ chức thi tuyển phải đảm bảo như yêu cầu được quy đinh tại điều 12, điều 13 và điều 14 Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

4. Kế hoạch thi tuyển năng khiếu cho ngành GDMN, GDTC được tổ chức sau ngày thí sinh hoàn thành kì thi tốt nghiệp ít nhất 1 tuần. Chi tiết về thủ tục, thời gian, địa

điểm đăng kí thi; thời gian, địa điểm tổ chức thi sẽ được công bố công khai trên website của Nhà trường.

5. Đối với hình thức xét tuyển, Nhà trường tuân thủ kế hoạch xét tuyển đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào tình hình thực tế từng năm tuyển sinh, Hiệu trưởng quyết định việc xây dựng kế hoạch xét tuyển các đợt tiếp theo, đảm bảo hoàn thành trước 31.12 hàng năm.

6. Quy trình xét tuyển, tổ chức đăng kí và xét tuyển thẳng, tổ chức đăng kí và xét tuyển sớm, tổ chức đăng kí và xét tuyển trên hệ thống, xét tuyển và xử lí nguyện vọng, thông báo và xác nhận nhập học thực hiện theo các nội dung được quy định tại điều 16, điều 17, điều 18, điều 19, điều 20 và điều 21 Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

7. Đăng kí và xét tuyển bổ sung được thực hiện trên phần mềm xét tuyển của Trường Đại học Vinh. Nhà trường công bố công khai kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, điều kiện xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, hình thức đăng kí cho từng ngành, chương trình đào tạo trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của đợt xét tuyển bổ sung không thấp hơn so với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đã công bố trong đợt xét tuyển đợt 1. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

Điều 12. Xét tuyển đại học VLVH

1. Trung tâm GDTX tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm đối với VLVH bao gồm cả thông tin về đợt tuyển sinh, địa điểm đặt lớp.

2. Căn cứ đề án tuyển sinh và các Thông báo tuyển sinh theo từng đợt trong năm, thí sinh đăng kí dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

3. Nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển: Trung tâm GDTX hoặc các địa điểm đặt lớp tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp dữ liệu tuyển sinh. Bộ phận thư kí Hội đồng tuyển sinh tổ chức phân loại, thẩm định hồ sơ trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển.

a) Điều kiện dự tuyển cho từng đối tượng được thông tin chi tiết trong các thông báo tuyển sinh, đảm bảo điều kiện được quy định tại Điều 9, Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

b) Căn cứ kết luận của Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển (Giấy báo nhập học) thông qua các địa điểm đặt lớp, các trang thông tin điện tử và gửi đến người dự tuyển biết kết quả để nhập học.

4. Tổ chức nhập học: Sau khi có danh sách trúng tuyển và thông báo đến thí sinh, Trung tâm GDTX phối hợp với nơi đặt lớp (nếu có) lập kế hoạch và tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển. Việc tổ chức nhập học phải đảm bảo quy định, quy trình đào tạo;

thí sinh trúng tuyển được xếp vào khóa đào tạo, phân chuyên ngành đào tạo, tổ chức phân lớp, lập danh sách người học và cấp thẻ người học. Người học sau khi nhập học được Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ra quyết định công nhận học viên, Trung tâm GDTX tiếp nhận kết quả, quản lý và triển khai đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 13. Xét tuyển đại học từ xa

1. Viện NC&ĐTTT tham mưu Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh trong cả năm cho hệ Đào tạo từ xa bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, địa điểm nhận hồ sơ, thông tin liên hệ và các thông tin liên quan khác. Nhà trường công bố công khai thông báo tuyển sinh, các thông tin liên quan đến CTĐT trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh và tại các Trạm ĐTTX.

2. Nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển: Viện NC&ĐTTT tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp dữ liệu tuyển sinh. Bộ phận thư kí Hội đồng tuyển sinh tổ chức phân loại, thẩm định hồ sơ trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển.

a) Điều kiện dự tuyển của thí sinh đăng kí dự tuyển vào hệ đào tạo từ xa, trình độ đại học được tuân thủ theo các quy định hiện hành.

b) Căn cứ kết luận của Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển (Giấy báo nhập học) thông qua các Trạm ĐTTX, các trang thông tin điện tử và gửi đến người dự tuyển biết kết quả để nhập học.

3. Tổ chức nhập học: Sau khi có danh sách trúng tuyển và thông báo đến thí sinh, Viện NC&ĐTTT phối hợp với Trạm ĐTTX (nếu có) lập kế hoạch và tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển. Việc tổ chức nhập học phải đảm bảo quy định, quy trình đào tạo; thí sinh trúng tuyển được xếp vào khóa đào tạo, phân chuyên ngành đào tạo, tổ chức phân lớp, lập danh sách người học và cấp thẻ người học. Người học sau khi nhập học được Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ra quyết định công nhận học viên, Viện NC&ĐTTT tiếp nhận kết quả, quản lý và triển khai đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học (HĐTS) theo từng hình thức đào tạo để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Uỷ viên thường trực: Trưởng Phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo đối với tuyển sinh đại học chính quy; Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên đối với tuyển sinh đại học vừa làm vừa học; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến đối với tuyển sinh đại học đào tạo từ xa;

d) Các Uỷ viên: Một số trưởng Phòng; Trưởng các khoa, viện và Hiệu trưởng trường thuộc; chuyên viên phụ trách tuyển sinh; chuyên viên công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc HĐTS Trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua Đề án tuyển sinh

b) Tổ chức tuyển sinh theo Đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; Thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

c) Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); Báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

d) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khoá đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Nếu tổ chức thi tuyển sinh thì phải bảo quản danh sách thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

e) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

f) Tổng kết công tác tuyển sinh; Quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

Điều 16. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư kí HĐTS

1. Thành phần Ban Thư kí HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS Trường kiêm nhiệm;

b) Các uỷ viên: một số chuyên viên phòng, ban, trung tâm, khoa/viện/trường thuộc và các cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư kí HĐTS:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng kí xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và Hệ thống hỗ trợ tyển sinh chung của Bộ GDĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);

d) Phân tích dữ liệu, tham mưu phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

f) Tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư kí theo quy định của Quy chế thi tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động tuyển sinh của Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Thanh tra - Pháp chế tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lí vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Trưởng Phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Giám đốc Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến; Trưởng các phòng, ban, trung tâm; Trưởng các khoa, viện, trường thuộc và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hàng Quy chế nảy.

3. Hàng năn, Quy chế được bổ sung, sửa đổi theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về trường thông qua Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh ban hành theo Quyết định số 1009 /QĐ-ĐHV ngày 25 / 4 /2023 của Hiệu trưởng)

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;

	b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm UT2	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12

	năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục III. Đề án tuyển sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM ĐẠI HỌC NĂM.....

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên Trường:

2. Mã trường:

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử Trường:

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường (có thông tin tuyển sinh):

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực...					
Tên ngành					
Tên ngành					
....					
Lĩnh vực...					
...					
Tổng					

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm ... *(Ví dụ: 2021)*			Năm ... *(Ví dụ: 2022)*		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực 1/nhóm ngành/ngành - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: ..... - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4							
2.	Lĩnh vực 2/nhóm ngành/ngành							
3.	Lĩnh vực 3/nhóm ngành/ngành							
4.	.....							
	Tổng							

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1.									
2.									
3.									
...									

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: ……

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: …….

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường trên trang thông tin điện tử của CSĐT: ……..

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu Trường có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu Trường có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: .....

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành / nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành / nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1.														
2.														

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.										
2.										

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

2.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: .....

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của Trường: .....

Nghệ An, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Cán bộ kê khai:
- ĐHCQ:
Điện thoại:
Email:
- ĐHVLVH:
Điện thoại:
Email:
- ĐHTX:
Điện thoại:
Email:

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, ĐT.

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.										
2.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.										
2.										

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

2.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 02: Tuyển sinh đào tạo từ xa

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2. Phạm vi tuyển sinh.

3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo từ xa	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.										
2.										

5. Ngưỡng đầu vào.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

11. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... *(Người học)*

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		
1	**Tiến sĩ**		
1.1	***Lĩnh vực....***		
1.1.1	Ngành....		
2	**Thạc sĩ**		
2.1	***Lĩnh vực...***		
2.1.1	Ngành....		
B	**ĐẠI HỌC**		
3	**Đại học chính quy**		
3.1	**Chính quy**		
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**		
3.1.1.1	**Lĩnh vực ...**		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	**Các ngành đào tạo** (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	**Lĩnh vực ...**		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	**Đối tượng từ trung cấp lên đại học**		
3.2.1	***Lĩnh vực...***		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	**Đối tượng từ cao đẳng lên đại học**		

3.3.1	***Lĩnh vực...***		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		
3.4.1	***Lĩnh vực...***		
3.4.1.1	Ngành....		
4	**Đại học vừa làm vừa học**		
4.1	**Vừa làm vừa học**		
4.1.1	***Lĩnh vực...***		
4..1.1.1	Ngành...		
4.2	**Đối tượng từ trung cấp lên đại học**		
4.2.1	***Lĩnh vực...***		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	**Đối tượng từ cao đẳng lên đại học**		
4.3.1	***Lĩnh vực...***		
4.3.1.1	*Ngành...*		
4.4	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		
4.2.1	***Lĩnh vực...***		
4.2.1.1	Ngành....		
5	**Từ xa**		
5.1	***Lĩnh vực...***		
5.1.1	Ngành...		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường (ha):

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường		
2.	Thư viện, trung tâm học liệu		
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1.	Trần Văn A	GS	TS	Toán học	Sư phạm Toán học
2.	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học	Công nghệ thông tin
3.	...				
	Tổng số giảng viên toàn trường				

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học.

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1.	Trần Văn A	GS	TS	Toán học	Sư phạm Toán học
2.	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học	Công nghệ thông tin
3.	...				
	Tổng số giảng viên toàn trường				